TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2018
V/v *"tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phú Nhuận

2. Bà Tiêu Kim Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Hồng Th, sinh năm 1976
Địa chỉ: 622 đường Lê Hồng P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Đình H, sinh năm 1973
Địa chỉ: 622 đường Lê Hồng P, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt bà Phan Hồng Th (có đơn yêu cầu), ông Lê Đình H (đã được tống đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2017 và bản tự khai ngày 03/11/2017 nguyên đơn bà Phan Hồng Th trình bày: Bà và ông Lê Đình H tự nguyện chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 3. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống cụ thể ông H có người phụ nữ khác, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn sự thương yêu chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Tuy ở trong một nhà

nhưng không có tình yêu, quan tâm và tôn trọng mà mạnh ai người ấy sống. Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn, bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phan Đan Th, sinh ngày 19/3/2003 (nữ) và Lê Đình Minh T, sinh ngày 07/11/2004 (nam). Sau khi ly hôn, Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Th khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà Th không còn yêu cầu nào khác.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do ông H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên toà hôm nay, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông H, yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Phan Đan Th, sinh ngày 19/3/2003 (nữ), Lê Đình Minh T, sinh ngày 07/11/2004 (nam) và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện các thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét nguyên đơn bà Phan Hồng Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn ông Lê Đình H, đây là tranh chấp về "ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn đang cư trú tại nhà số 622 đường Lê Hồng P, Phường A, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét nguyên đơn bà Th có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Th.

Bị đơn ông Lê Đình H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H.

***2. Về yêu cầu của nguyên đơn*:**

Xét bà Phan Hồng Th và ông Lê Đình H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2001, ngày 31/5/2001 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do hai bên bất đồng quan điểm, tính cách. Trong thời gian giải quyết, Toá án đã tống đạt, triệu tập ông H nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải đoàn tụ, nhưng phía ông H không đến Tòa, vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông H không có thiện chí muốn hòa giải và đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phan Đan Th, sinh ngày 19/3/2003 (nữ) và Lê Đình Minh T, sinh ngày 07/11/2004 (nam). Bà Th có yêu cầu được trực tiếp nuôi hai trẻ, còn ông H vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng nên không biết ý kiến của ông H về việc nuôi con chung. Xét hai trẻ đang ở và học tập ổn định, nếu tách hai trẻ mỗi trẻ mỗi nơi thì sẽ làm thay đổi cuộc sống, ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ; do vậy Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Hồng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Hồng Th được ly hôn với ông Lê Đình H.

- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Lê Phan Đan Th, sinh ngày 19/3/2003 (nữ) và Lê Đình Minh T, sinh ngày 07/11/2004 (nam) cho bà Phan Hồng Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001731 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10; bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Th, ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Hùng